

BỆNH ÁN LỒNG NGỰC – MẠCH MÁU

I. HÀNH CHÍNH

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc H. Giới: Nữ Năm sinh: 1995 (25t)
2. Dân tộc: Kinh
3. Nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng
4. Địa chỉ: Bến Tre
5. Nhập viện ngày: 2/10/2020 – Lầu 9: khoa Lồng ngực mạch máu – BV ĐHYD
6. Số hồ sơ: N20-0250780

II. LÝ DO NV: phát hiện u trung thất

III. BỆNH SỬ:

Cách nhập viện 1 tháng, BN đi khám sức khoẻ định kì, được chụp xquang ngực phát hiện khối mờ, sau đó chụp MRI phát hiện u trung thất trước.

MRI ngực chụp 29/10/2020



- Kết Luận: Tổn thương choán chỗ trung thất trước trái, khả năng u tuyến ức dạng nang (cystic thymoma), tiếp xúc thân động mạch phổi, động mạch và tĩnh mạch phổi bên trái, không thấy dấu hiệu xâm lấn.

→ Nhập viện BV ĐHYD để phẫu thuật.

Tình trạng lúc NV:

- BN tỉnh, tiếp xúc tốt
- M: 80 l/p
- HA: 120/80
- NT: 18 l/p
- SpO2: 98%

Các CLS trước mổ của BN

Xét nghiệm	Kết quả	Khoảng tham chiếu
WBC	7.52	4-10 G/L
- NEU %	63.6	45-75% N
- NEU #	4.79	1.8-7.5 N
- LYM%	30.1	20-35% L
- LYM #	2.26	0.8-3.5L
- MONO %	5.5	4-10% M
- MONO #	0.41	0.16 – 1.0 M
- EOS %	0.3*	1-8% E
- EOS #	0.02	0.01-0.8 E
- BASO %	0.5	0 0 2% B
- BASO #	0.04	0 – 0.2 B
RBC	4.83	3.8 – 5.5 T/L
HGB	136	120 – 175 g/L
HCT	0.415	0.35 – 0.53 g/L
MCV	85.9	78-100 fL
MCH	28.2	26.7-30.7 pG
MCHC	328	320-350 g/L
RDW	14.6	12-20%
NRBC %	0.00	0.0-2.0%
NRBC #	0.00	0.0-2.0%
PLT	364	150-450 G/L
MPV	8.6	7-12 fL
Thời gian Prothrombin (PT, TQ) bằng máy tự động		
PT	13.3	11.1-15.3 giây
PT%	103.0	70-140%
INR	0.98	0.8-1.2
PT (bn)/ PT chúng	0.99	0.8-1.2
Fibrinogen (định lượng yếu tố I)	4.42*	2.38-4.98 g/L

Thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) . APTT . APTT (bn)/ APTT chứng Thời gian thrombin (TT)	31.8 1.04 15.4	25.1-36.5 giây 0.8-1.2 10.3 – 16.6 giây
Định nhóm máu hệ ABO thuận nghịch và Rh (D) Nhóm máu ABO Rh(D)	O DƯƠNG TÍNH	

Công thức máu BN ổn.

Chức năng đông máu trong giới hạn bình thường.

Nhóm máu: O+

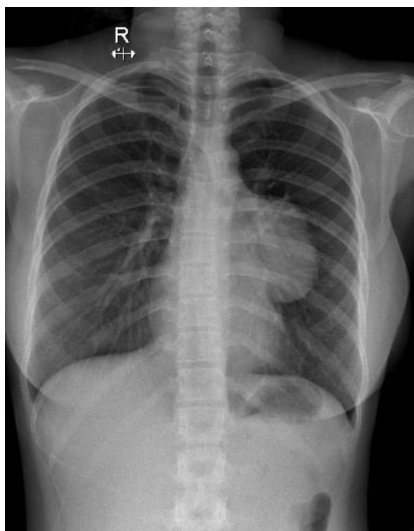
Xét nghiệm	Kết quả	Khoảng tham chiếu
Glucose	5.5	3.9-6.4 mmol/L
Glucose	99	70-115 mg/dL
Ure	34.15	10.2 – 49.7 mg/dL
Creatinine	0.67	0.72-1.18 mg/dL (nam)
eGFR (CKD-EPI)	106	>= 60 ml/ph/1.73m2
AST	13	< 41 U/L
ALT	8	< 41 U/L
Natri	138	136-146 mmol/L
Kali	3.74	3.4 – 5.1 mmol/L
Định lượng Clo	102	98 – 109 mmol/L
Định lượng Calci toàn phần	2.39	2.10 – 2.55 mmol/L

Chức năng gan, chức năng thận BN ổn.

Xét nghiệm	Kết quả	Khoảng tham chiếu
COLOR	VÀNG	Vàng nhạt
CLARITY	HƠI VẼN ĐỤC	Trong
GLU	ÂM TÍNH	Bình thường: < 1.7 mmol/L
BIL	ÂM TÍNH	Âm tính: <3.4 umol/L
KET	ÂM TÍNH	Âm tính: < 0.5 mmol/L
SG	1.031*	1.01-1.025
pH	5.5	4.8-7.5
Alb/Cre (bán định lượng)	BÌNH THƯỜNG	< 3.4 mg/mmol
PRO	0.3	Âm tính: <0.1 g/L
URO	3.2	Bình thường: < 17 umol/L

NIT	ÂM TÍNH	Âm tính
LEU	15	Âm tính: <10/uL
BLOOD	200	Âm tính: < 5 Ery/uL
Pro/ Cre	BÌNH THƯỜNG	mg/mmol

Xquang ngực chụp 2/11/2020



- Kết Luận: Không có tổn thương nhu mô tiến triển trong hai phổi. Trung thất trên mở rộng sang (T)/ u trung thất trước đã biết

Chẩn đoán trước mổ: U trung thất trước

Trong lúc mổ:

Mổ bằng phương pháp nội soi cắt u

Đặt dẫn lưu màng phổi

Chưa ghi nhận biến chứng

Sau mổ

Ngày 1: BN tỉnh, tiếp xúc được. Còn đau vết mổ. Ống dẫn lưu hoạt động tốt, khoảng 100ml dịch đỏ loãng. 2 chân không tê, vận động bình thường. Nước tiểu khoảng 2000ml trong 17h, vàng trong qua sonde.

IV. TIỀN CĂN:

1. Bản thân:

- Bệnh lý:

+ Không có tiền căn THA, ĐTĐ

- + Không có tiền căn lao, không tiền căn COPD, hen
- + Không tiền căn chấn thương, tiền căn phẫu thuật
- Thói quen:

- + Không hút thuốc, không uống rượu bia
- Dị ứng: không ghi nhận tiền căn dị ứng

2. Gia đình: Chưa ghi nhận tiền căn bệnh lý ác tính

V. LƯỚI QUA CÁC CƠ QUAN

- Tim mạch: Không đau ngực, không hồi hộp đánh trống ngực
- Hô hấp: không khó thở, không ho, không khò khè
- Tiêu hóa: không đau bụng, không chán ăn, không buồn nôn, không ợ hơi, không ợ chua, đi phân vàng đóng khuôn
- Tiết niệu: Không đau hông lưng, nước tiểu vàng trong qua sonde khoảng 650ml
- TK – cơ xương khớp: Không đau cơ, sưng đau khớp, không yếu tay chân

VI. KHÁM: 06/11/2020 (hậu phẫu ngày 1)

1. Tổng quát:

- Bệnh nhân tỉnh, tiếp xúc tốt
- Sinh hiệu:
- + Mạch: 82 l/p
- + HA: 120/70
- + t°: 37°C
- + Nhịp thở: 16 l/p
- + SpO2: 98%
- Da niêm hồng, củng mạc mắt không vàng, môi không khô, lưỡi không đỏ
- Không phù
- Thở không co kéo cơ hô hấp phụ

2. Đầu mặt cổ:

- Đầu mặt cân đối, hộp sọ cân đối, không dị dạng
- Tuyến giáp không to, khí quản không lệch
- Mũi họng không xuất huyết

- Hạch ngoại biên không sờ chạm
- Tĩnh mạch cổ không nổi ở tư thế 45°

3. Lồng ngực:

- Lồng ngực cân đối
- Lồng ngực di động theo nhịp thở
- Thở không co kéo cơ hô hấp phụ

a) Tim:

- Không ồ đập bất thường
- Mỏm tim nằm ở KLS 5, cách đường trung đòn T 1cm, diện đập 1x2cm
- Hardzer (-), dấu nảy trước ngực (-)
- T1, T2 rõ, tần số 80 l/p, không âm thổi

b) Phổi:

- Tràn khí dưới da vùng cổ ngực (T)
- Độ dẫn nở lồng ngực tốt
- Rung thanh đều 2 bên phế trường
- Rì rào phế nang êm dịu 2 bên phế trường

4. Bụng:

- Cân đối, di động đều theo nhịp thở, không sao mạch, không sẹo mổ cũ, không tuần hoàn bàng hệ, không ồ đập bất thường
- Nhu động ruột: 4 lần/phút
- Gõ trong khắp bụng
- Bụng mềm, không điểm đau
- Gan lách không sờ chạm, chiều cao gan khoảng 7cm

5. Tứ chi cột sống – mạch máu:

- Cổ mềm
- Khớp không sưng nóng đỏ đau, cột sống không gù vẹo
- Mạch cảnh rõ 2 bên, không âm thổi
- Chi trên: ĐM cánh tay, ĐM quay đều 2 bên, lòng bàn tay và móng tay hồng, huyết áp 2 tay bằng nhau, CRT < 2s

- Chi dưới: Da hồng, ĐM khoeo, ĐM chày sau, ĐM mu chân đều rõ, huyết áp chân và tay không chênh, CRT < 2s
- Chân catheter NMC không rỉ dịch, chảy máu

VII. TÓM TẮT BỆNH ÁN

BN nữ 25 tuổi, nhập viện vì phát hiện u trung thất trên MRI

- Chẩn đoán trước mổ: u trung thất trước
- Ngày 1 sau mổ, BN tỉnh, tiếp xúc tốt, không sốt. Ống dẫn lưu còn hoạt động. Nước tiểu vàng trong khoảng 650ml qua sonde. Đau vết mổ.

VIII. ĐẶT VẤN ĐỀ

- U trung thất trước đã cắt bỏ
- Hậu phẫu ngày 1

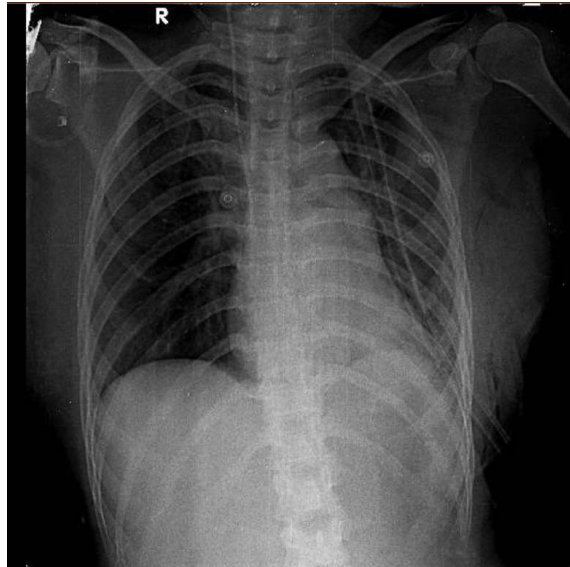
IX. CLS

Công thức máu (6/11/2020)

Xét nghiệm	Kết quả	Khoảng tham chiếu
WBC	11.32*	4-10 G/L
- NEU %	76.3*	45-75% N
- NEU #	8.64*	1.8-7.5 N
- LYM%	16.0*	20-35% L
- LYM #	1.81	0.8-3.5L
- MONO %	7.6	4-10% M
- MONO #	0.86	0.16 – 1.0 M
- EOS %	0.0*	1-8% E
- EOS #	0.00*	0.01-0.8 E
- BASO %	0.1	0 0 2% B
- BASO #	0.01	0 – 0.2 B
RBC	4.01	3.8 – 5.5 T/L
HGB	121	120 – 175 g/L
HCT	0.351	0.35 – 0.53 g/L
MCV	87.5	78-100 fL
MCH	28.2	26.7-30.7 pG
MCHC	322	320-350 g/L
RDW	14.0	12-20%
NRBC %	0.00	0.0-2.0%
NRBC #	0.00	0.0-2.0%
PLT	301	150-450 G/L
MPV	8.9	7-12 fL

- BN có bạch cầu tăng (ưu thế neutrophil), nghĩ có tình trạng nhiễm trùng.

Xquang ngực (ngày 5/11/2020)



- Tổn thương nhu mô trong hai phổi: Không có.
- Cấu trúc các rốn phổi: bình thường, không có hạch phì đại.
- Các khoảng phế mạc: dẫn lưu màng phổi (T)
- Các cơ hoành: Bình thường.
- Tim: Không to.
- Các mạch máu chính: quai động mạch chủ bình thường
- Trung thất: Không mở rộng, không có hạch phì đại.
- Bộ xương và mô mềm ngực: tràn khí dưới da thành ngực (T)
- Ghi nhận khác: có ống thông trong tĩnh mạch chủ trên
- Kết Luận: không có tổn thương nhu mô tiến triển trong 2 phổi

X. CHẨN ĐOÁN

- Hậu phẫu ngày 1 cắt u trung thất, theo dõi nhiễm trùng

XI. ĐIỀU TRỊ:

- Theo dõi lâm sàng, sinh hiệu bệnh nhân, nước tiểu 24h, phòng tránh nhiễm trùng, chảy máu